

Bản án số: 412/2020/HC-PT

Ngày: 24/11/2020.

V/v “*Khiếu kiện quyết định thu hồi đất,  
quyết định phê duyệt bồi thường*”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Mai;

*Các Thẩm phán:* Ông Thái Duy Nhiệm;  
Bà Vũ Thị Thu Hà;

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phan Nhật Phong - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:***  
Ông Nguyễn Trọng Vĩnh, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 24 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 221/2020/TLPT-HC ngày 24 tháng 3 năm 2020 về việc “*Khiếu kiện quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt bồi thường*” do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2020/HC-ST ngày 07 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh T.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 8338/2020/QĐ-PT ngày 09 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

***Người khởi kiện:*** Ông Đậu Văn H, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Thôn K, xã T2, huyện T1, tỉnh T; có mặt.

***Người đại diện theo ủy quyền của ông H:*** Ông Hoàng Bá V, sinh năm 1951, trú tại: Thôn G, xã T2, huyện T1, tỉnh T, có mặt.

***Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện:*** Luật sư Vũ Văn T3, Luật sư Lê Thị Kim A - Công ty Luật Hợp danh I thuộc Đoàn Luật sư thành phố H; có mặt.

***Người bị kiện:***

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T1(nay là UBND thị xã N) tỉnh T;

2. Ủy ban nhân dân huyện T1 (nay là UBND thị xã N), tỉnh T; người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tiến D, chức vụ: Chủ tịch.

*Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện:* Ông Phạm Văn N1, chức vụ: Phó Chủ tịch; vắng mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:* Ông Lê Hồng T4, chức vụ: Trưởng phòng Tư pháp UBND thị xã N và ông Lê Hồng H1, chức vụ: Phó Trưởng Ban giải phóng mặt bằng UBND thị xã N; đều vắng mặt.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Ủy ban nhân dân xã T2, huyện T1, tỉnh T, người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Ngọc Thuyết, chức vụ: Chủ tịch.

*Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân xã T2:* Ông Đậu Văn T5, chức vụ: Công chức địa chính xây dựng; vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị H2 (vợ ông H);

3. Ông Đậu Văn K1 bà Trần Thị C;

4. Ông Đậu Văn T6 và bà Phạm Thị C1;

5. Ông Đậu Văn T7 và bà Nguyễn Thị B;

6. Ông Đậu Văn D và bà Nguyễn Thị V1;

7. Bà Đậu Thị D1;

Cùng địa chỉ: Thôn K, xã T2, huyện T1, tỉnh T; đều vắng mặt.

***Người kháng cáo:*** Ông Đậu Văn H.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Người khởi kiện là ông Đậu Văn H trình bày:

Nguồn gốc diện tích 200.202m<sup>2</sup> đất thuộc thửa 730, tờ bản đồ số 3 đã ghi nhận tại bản đồ 299 xã T2, huyện T1, tỉnh T là của bố, mẹ ông (cụ Đậu Văn S (chết 1996) và cụ Vũ Thị H4 (chết 2017) khai hoang sử dụng từ năm 1977 - 1978 tại khu vực đê H5, thuộc thôn K, xã T2, huyện T1, diện tích khoảng 22 ha. Trước đây gia đình trồng lúa nhưng do đất bị nhiễm mặn nên phải tôn tạo đào đắp để nuôi trồng thủy sản và sử dụng ổn định từ năm 1978 đến nay không có tranh chấp. Sau khi bố ông chết, do không hiểu biết pháp luật và do cán bộ xã giải thích phải ký hợp đồng mới được xác định chủ sử dụng đất nên mẹ ông đã ký hợp đồng nhận thầu với Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã T2 với diện tích 12ha. Việc ký hợp đồng thầu chỉ thể hiện hình thức trên giấy tờ.

Thực hiện Dự án đầu tư xây dựng các tuyến đường giao thông trục chính phía

Tây - Khu kinh tế N, UBND huyện T1 ban hành Quyết định thu hồi của gia đình ông 123.819,5m<sup>2</sup> (khoảng 12,3ha) được xác định là đất công ích và đất do UBND xã quản lý nên không bồi thường về đất là xâm phạm nghiêm trọng quyền và lợi ích của gia đình ông.

Quá trình tôn tạo đắp bờ gia đình ông hoàn toàn sử dụng bằng phương pháp thủ công, nhưng UBND huyện T1 tính giá trị bồi thường theo đơn giá bằng máy là không đúng thực tế. Phần diện tích mặt nước bị thu hồi 12,3ha, gia đình đã chấp hành thu hoạch đánh bắt sớm nhưng chưa được hỗ trợ.

Do đó ông yêu cầu Tòa án hủy các Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt bồi thường của UBND huyện T1 và hủy Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện T1. Yêu cầu UBND huyện bồi thường đất, công đào đắp bằng thủ công và hỗ trợ đánh bắt sớm đối với 12,3ha đã thu hồi. Đồng thời yêu cầu được công nhận quyền sử dụng hợp pháp đối với 10ha còn lại đang sử dụng.

*Người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T1, tỉnh T trình bày:*

1. Về yêu cầu hủy các Quyết định thu hồi đất của UBND huyện T1 của ông Đậu Văn H:

- Thực hiện dự án Đầu tư xây dựng các tuyến đường giao thông trục chính phía Tây khu kinh tế N, tại Quyết định số 5526/QĐ-UBND ngày 18/9/2017 của UBND huyện T1 và Quyết định số 3394/QĐ-UBND ngày 11/6/2018 đình chính Quyết định số 5526 thu hồi 04 thửa đất tại khu vực đầm H5, tổng diện tích 27.630,2m<sup>2</sup> cụ thể:

+ Thửa số 04, TBĐ số 5, diện tích nguyên thửa 68.268,0m<sup>2</sup>, diện tích thu hồi 16.361,6 m<sup>2</sup>, loại đất NTS, mục kê ghi UBND xã T2;

+ Thửa số 72, TBĐ số 5, diện tích nguyên thửa 39.996,2m<sup>2</sup>, diện tích thu hồi 5.247,4m<sup>2</sup>, loại đất NTS, mục kê ghi UBND xã T2;

+ Thửa số 11, TBĐ số 7, diện tích nguyên thửa 14.094,0m<sup>2</sup>, diện tích thu hồi 5.991,1 m<sup>2</sup>, loại đất NTS, mục kê ghi UBND xã T2.

+ Thửa số 46, TBĐ số 7, diện tích nguyên thửa 138,7m<sup>2</sup>, diện tích thu hồi 30,1 m<sup>2</sup>, loại đất NTS, mục kê ghi UBND xã T2.

- Thực hiện dự án Đầu tư xây dựng và khai thác hạ tầng khu công nghiệp số 3, khu kinh tế N, tại Quyết định số 5540/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 của UBND huyện T1 thu hồi đất tại thửa 11, TBĐ địa chính số 57, diện tích nguyên thửa 124.260,4 m<sup>2</sup>, thu hồi 89.042,6 m<sup>2</sup>, loại đất TSL (Lô B3), mục kê ghi UBND xã T2.

Toàn bộ khu đất ông H đang khiếu nại do UBND xã T2 quản lý giao thầu hàng năm cho gia đình bà Vũ Thị H4 (mẹ đẻ ông H) từ năm 1994 đến hết năm 2014. Gia đình ông H được UBND xã ký hợp đồng giao thầu hàng năm từ ngày 01/01/2015 với tổng diện tích 12 ha và đóng tiền thuê thầu hàng năm cho UBND xã. Do hết thời hạn giao thầu, UBND xã đã tiến hành thanh lý hợp đồng giao thầu ngày

30/10/2016 để nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án trên địa bàn xã T2 (có Hợp đồng giao thầu nuôi trồng thủy sản đê H5 của UBND xã T2 với gia đình ông Đậu Văn H từ năm 1994 đến năm 2016 kèm theo).

Theo bản đồ 299 xã T2 năm 1987 thuộc loại đất hoang (Hg); Bản đồ địa chính đo vẽ năm 1999 loại đất hoang bằng (Hg.b), Bản đồ hiện trạng đo vẽ năm 2011 thuộc loại đất nuôi trồng thủy sản nước lợ (TSL), Trích đo bản đồ địa chính khu đất số 01/TĐĐC được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh T phê duyệt ngày 08/3/2017 xác định loại đất theo hiện trạng nuôi trồng thủy sản (NTS), Sổ mục kê qua các thời kỳ đều mang tên chủ sử dụng là UBND xã quản lý.

Vì vậy UBND huyện T1 ban hành quyết định thu hồi đất của UBND xã T2 là đúng.

## 2. Về yêu cầu hủy các Quyết định phê duyệt phương án bồi thường:

Căn cứ kết quả kiểm kê hiện trạng tài sản, vật kiến trúc, cây cối (công trình nhà, khối lượng đất đắp ...) do ông H tạo lập trong quá trình được giao thầu. Căn cứ quy định tại phần II, Quyết định số 4925/QĐ-UBND ngày 21/12/2016 của UBND tỉnh ban hành bảng giá xây dựng mới nhà ở, nhà tạm, công trình kiến trúc làm cơ sở xác định giá trị bồi thường, khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh T; Quyết định số 4437/2016/QĐ-UBND ngày 14/11/2016 về ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 3161/2014/QĐ-UBND ngày 26/9/2014 về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn khu kinh tế N. Tại Quyết định phê duyệt bồi thường, hỗ trợ số 5525/QĐ-UBND ngày 18/9/2017 của UBND huyện T1 cho ông Đậu Văn H bồi thường vật kiến trúc, cây hoa màu 99.596.700đ; Quyết định số 5541/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 bồi thường, hỗ trợ công trình, vật kiến trúc 139.543.900đ (thuộc dự án Đầu tư xây dựng các tuyến đường giao thông trục chính phía Tây khu kinh tế N); tại Quyết định số 5542/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 bồi thường vật kiến trúc 109.540.700đ (thuộc dự án Đầu tư xây dựng và khai thác hạ tầng khu công nghiệp số 3, khu kinh tế N).

Ông H đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất nên việc ông đề nghị hủy bỏ các Quyết định phê duyệt bồi thường của UBND huyện T1 là không có căn cứ.

## 3. Về yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 62/QĐ-UBND ngày 12/01/2019 của Chủ tịch UBND huyện T1:

Không đồng ý với việc bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng các tuyến đường giao thông trục chính phía Tây khu kinh tế N, ông H làm đơn khiếu nại đề nghị Chủ tịch UBND huyện giải quyết: Yêu cầu bồi thường diện tích đất nuôi trồng thủy sản tại đê H5; yêu cầu hỗ trợ diện tích 12ha mặt nước đầm do đánh bắt sớm; yêu cầu được bồi thường công đào đắp bằng thủ công.

Chủ tịch UBND huyện T1 đã thụ lý đơn khiếu nại và ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 62/QĐ-UBND, kết quả:

- Về yêu cầu được bồi diện tích đất nuôi trồng thủy sản tại đê H5:

Hồ sơ địa chính các thời kỳ không có thửa đất nào mang tên chủ sử dụng là ông Đậu Văn H; Hồ sơ có liên quan thể hiện hợp đồng giao thuê đất tại khu vực đê H5 với ông Đậu Văn S (bố ông Đậu Văn H) từ năm 1993, từ năm 2015, 2016 ký hợp đồng thuê hàng năm với ông Đậu Văn H, đến ngày 30/10/2016 thì thanh lý hợp đồng. Kể từ khi được ký hợp đồng giao thuê, ông Đậu Văn S và ông Đậu Văn H không có khiếu nại gì. Kết quả làm việc với cán bộ xã T2 qua các thời kỳ thì hộ ông Sinh là hộ cá thể nên không được giao đất nông nghiệp theo Nghị định 64-CP ngày 27/9/1993. Dự án 327 năm 1994 không triển khai thực hiện tại xã T2, do vậy giấy tờ mà ông H cung cấp không liên quan gì đến khu đất đê H5. Ngày 06/11/2016 ông H có đơn gửi UBND xã T2 và Hội đồng đền bù dự án đường giao thông trục chính phía Tây cũng chỉ đề nghị hỗ trợ đánh bắt thủy sản sớm, không khiếu nại bồi thường đất. Trong đơn khẳng định gia đình ông nhận thuê trên diện tích đầm H5 với UBND xã T2 từ năm 1992 đến nay và đóng tiền hàng năm.

Căn cứ Điều 82 Luật đất đai năm 2013: Nhà nước không bồi thường về đất đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 76 của Luật này "*Đất nhận khoán để sản xuất nông lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối*". Do vậy việc ông H khiếu nại được bồi thường diện tích đất nuôi trồng thủy sản tại đê H5 là không có cơ sở.

- Về yêu cầu hỗ trợ đánh bắt sớm để thực hiện dự án:

Tháng 10/2015, UBND huyện T1 đã triển khai công tác giải phóng mặt bằng Dự án Đầu tư xây dựng các tuyến đường giao thông trục chính phía Tây - khu kinh tế N, nhưng ngày 01/01/2016 UBND xã T2 vẫn ký hợp đồng giao thuê đất thủy sản tại đê H5 với ông Đậu Văn H với thời hạn một năm là sai. Tuy nhiên theo hợp đồng, nếu có chủ trương thu hồi đất thông báo trước 30 ngày thì hộ ông H phải thu hoạch sản phẩm và bàn giao mặt bằng. Ngày 30/10/2016, UBND xã đã thanh lý hợp đồng thuê, đến ngày 09/12/2016, ông H vẫn chưa thu hoạch thủy sản. Ngày 02/3/2017, UBND xã T2 tiếp tục có Thông báo yêu cầu ông H thu hoạch để bàn giao mặt bằng. Do đó, việc ông đề nghị được hỗ trợ 12 ha mặt nước đầm do đánh bắt sớm là không có cơ sở. Tuy nhiên UBND huyện T1 đã tìm cách hỗ trợ khác cho gia đình ông H theo Quyết định số 7684/QĐ-UBND ngày 26/11/2018 số tiền là 27.630.200 đồng và theo Quyết định 7685/QĐ-UBND ngày 26/11/2018 là 89.042.600 đồng, hộ ông H đã nhận đủ.

- Về việc không đồng ý bồi thường công đào đắp bằng máy, yêu cầu bồi thường công đào đắp thủ công:

Căn cứ quy định tại phần II Quyết định số 4925/QĐ-UBND ngày 21/12/2016 của UBND tỉnh ban hành bảng giá xây dựng mới nhà ở, nhà tạm, công trình kiến trúc làm cơ sở xác định giá trị bồi thường, khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh T

thì Bảng giá đào đắp bằng thủ công chỉ áp dụng cho những khối lượng đào đắp nhỏ, lẻ. Hộ ông H có khối lượng đào đắp tại 04 thửa là 4.250,7m<sup>3</sup> là khối lượng rất lớn nên không được chấp nhận.

4. Về yêu cầu xác định lại giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi diện tích 123.819,5m<sup>2</sup> đất (khoảng 12,3ha) và đề nghị công nhận quyền sử dụng hợp pháp đối với diện tích 10ha đất mà gia đình đã quản lý, sử dụng từ năm 1978.

Việc ông Đậu Văn H khởi kiện yêu cầu hủy bỏ các Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường của UBND và yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện T1 không được chấp nhận nên việc ông yêu cầu UBND huyện T1 xác định lại giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi diện tích đất 123,819.5 (khoảng 12,3 ha) và đề nghị công nhận gia đình có quyền sử dụng hợp pháp đối với diện tích 10 ha đã quản lý, sử dụng ổn định từ năm 1978 là không được chấp nhận.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị H2 (vợ) và các em trai, em dâu, em gái của ông H gồm: ông Đậu Văn K1, bà Trần Thị C; ông Đậu Văn T6, bà Phạm Thị C1; ông Đậu Văn T7, bà Nguyễn Thị B; ông Đậu Văn D, bà Nguyễn Thị V1 và bà Đậu Thị D1 trình bày: Điều thống nhất với các nội dung, yêu cầu khởi kiện của ông Đậu Văn H.

2. Chủ tịch UBND xã T2, huyện T1, tỉnh Thanh thống nhất với quan điểm, ý kiến của Chủ tịch UBND huyện T1.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2020/HC-ST ngày 07 tháng 01 năm 2020, Tòa án nhân dân tỉnh T đã quyết định:

Căn cứ vào: khoản 3, khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 1 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; khoản 1 Điều 206 Luật tổ tụng hành chính; điểm a, điểm c khoản 2 Điều 63; khoản 3 Điều 66; Điều 69 Luật đất đai 2013; Điều 18 Luật khiếu nại 2011; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Bác đơn khởi kiện của ông Đậu Văn H yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy các Quyết định hành chính của UBND huyện T1 bao gồm:

Quyết định thu hồi đất số 5526/QĐ-UBND ngày 18/9/2017 để Đầu tư xây dựng các tuyến giao thông trục chính phía Tây - Khu kinh tế N; Quyết định số 3394/QĐ-UBND ngày 11/6/2018 về việc đính chính Quyết định 5526/QĐ-UBND ngày 18/9/2017; Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 5525/QĐ-UBND ngày 23/3/2018; Quyết định thu hồi đất số 5540/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 để Đầu tư xây dựng và khai thác hạ tầng Khu công nghiệp số 3 - Khu kinh tế N và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 5541/QĐ-UBND ngày 23/8/2018;

- Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 62/QĐ-UBND ngày 12/01/2018 của Chủ tịch UBND huyện T1;

- Yêu cầu UBND huyện T1 bồi thường 12ha đất nuôi trồng thủy sản; yêu cầu hỗ trợ việc đánh bắt thủy sản sớm; yêu cầu bồi thường giá trị đào đắp, tôn tạo bằng thủ công;

- Yêu cầu UBND huyện T1 công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp diện tích còn lại 10ha do gia đình đã sử dụng ổn định từ năm 1978.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 17/01/2020, người khởi kiện là ông Đậu Văn H có đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm, đề nghị xem xét theo thủ tục phúc thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm, hủy các Quyết định hành chính UBND huyện T1 bao gồm: Quyết định thu hồi đất số 5526/QĐ-UBND ngày 18/9/2017 để Đầu tư xây dựng các tuyến giao thông trục chính phía Tây - Khu kinh tế N; Quyết định số 3394/QĐ-UBND ngày 11/6/2018 về việc đính chính Quyết định 5526/QĐ-UBND ngày 18/9/2017; Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 5525/QĐ-UBND ngày 23/3/2018; Quyết định thu hồi đất số 5540/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 để Đầu tư xây dựng và khai thác hạ tầng Khu công nghiệp số 3 - Khu kinh tế N và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 5541/QĐ-UBND ngày 23/8/2018; Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 62/QĐ-UBND ngày 12/01/2018 của Chủ tịch UBND huyện T1; buộc UBND huyện T1, tỉnh T bồi thường 12ha đất nuôi trồng thủy sản; hỗ trợ việc đánh bắt thủy sản sớm; bồi thường giá trị đào đắp, tôn tạo công trình theo bằng thủ công và công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp diện tích còn lại 10ha do gia đình đã sử dụng ổn định từ năm 1978.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm về vụ án và đề nghị hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Đậu Văn H, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2020/HC-ST ngày 07 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

[1] Tòa án sơ thẩm xác định về đối tượng khởi kiện, về thời hiệu khởi kiện, về tư cách đương sự đúng quy định pháp luật. Việc chứng minh, thu thập chứng cứ đã được thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định tại chương VI Luật tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo của người khởi kiện được làm trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Năm 2014, thực hiện dự án đầu tư xây dựng các tuyến giao thông trục chính phía Tây - Khu kinh tế N và dự án đầu tư xây dựng và khai thác hạ tầng Khu công nghiệp số 3 - Khu kinh tế N, toàn bộ dự án với tổng diện tích trên 300ha, UBND tỉnh T ban hành Quyết định số 4537/QĐ-UBND ngày 17/12/2014 ủy quyền cho Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố quyết định thu hồi đất của nhiều tổ chức và hơn 600 hộ gia đình, cá nhân. Trên cơ sở đó, UBND huyện T1, tỉnh T ban hành Quyết định số 5526/QĐ-UBND ngày 18/9/2017 và Quyết định số 3394/QĐ-UBND ngày 11/6/2018 đính chính Quyết định số 5526 thu hồi diện tích 27.630,2m<sup>2</sup> đất thuộc 04 thửa tại khu vực đầm H5, xã T2, huyện T1, tỉnh T để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng các tuyến đường giao thông trục chính phía Tây khu kinh tế N; ban hành Quyết định số 5540/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 về việc thu hồi 89.042,6m<sup>2</sup> đất thuộc thửa 11, tờ bản đồ địa chính số 57 để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng và khai thác hạ tầng khu công nghiệp số 3, khu kinh tế N; Ngày 23/3/2018, UBND huyện T1 ban hành các Quyết định số 5525/QĐ- UNND; Quyết định số 5541/QĐ-UBND; Quyết định số 5542/QĐ-UBND về phê duyệt phương án bồi thường và bồi thường, hỗ trợ công trình, vật kiến trúc, cây hoa màu trên diện tích đất bị thu hồi cho thuộc các dự án nêu trên cho hộ gia đình ông Đậu Văn H là có căn cứ, đúng thẩm quyền.

[3] Quyết định số 01/UB ngày 19/5/1993 của UBND xã T2, sổ Mục kê ghi số thửa và Bản đồ địa chính đo vẽ qua các thời kỳ đều thể hiện bố ruột ông H là cụ Đậu Văn S được giao diện tích là 39.427m<sup>2</sup> đất, vị trí thuộc khu vực Đê H5, nằm phía Đông Quốc lộ 1A. Còn khu đất liên quan đến dự án mà ông Đậu Văn H khiếu kiện có diện tích 27.630,3m<sup>2</sup> là loại đất nguyên trạng nuôi trồng thủy sản, vị trí thuộc khu vực Đê H5 và đều mang tên chủ sử dụng là UBND xã T2 quản lý. Năm 1993, cụ Đậu Văn S được UBND xã T2 giao thầu đất tại khu vực đê H5 với diện tích 16ha, thanh lý hợp đồng ngày 06/8/1994; từ năm 2000 đến năm 2010, cụ Vũ Thị H4 (mẹ ông H) nhận thầu và cụ H4 lúc thì giao cho ông H, lúc lại giao cho ông Đậu Văn Q (em ông H) nhận thầu. Từ năm 2014 đến năm 2016, ông Đậu Văn H trực tiếp ký hợp đồng đầu thầu hàng năm với UBND xã T2 đối với diện tích 12,2ha nên việc ông H cho rằng diện tích bị thu hồi thuộc tổng diện tích khoảng 22ha có nguồn gốc do cụ Đậu Văn S và cụ Vũ Thị H4 (nay 2 cụ đã mất) khai hoang, sử dụng từ năm 1977, 1978 do có chủ trương khai hoang phục hóa của Nhà nước, đã được ghi nhận tại bản đồ 299, năm 1987 của xã T2 thuộc thửa đất số 730, tờ bản đồ số 3 diện tích 200.202m<sup>2</sup> là không có cơ sở. Ông H cung cấp bản pho to “Sổ trợ cấp di dân” năm 1994 của cụ S để chứng minh. Tuy nhiên, tài liệu nêu trên không thể hiện có liên quan đến khu vực đầm H5 và không phù hợp với tài liệu UBND xã T2 lưu giữ, quản lý nêu trên.

[5] Tại đơn đề nghị ngày 06/11/2016 gửi UBND xã T2 và Hội đồng đền bù dự án đường giao thông trục chính phía Tây, ông H cũng khẳng định gia đình ông nhận thầu trên diện tích đầm H5 từ năm 1992, đóng thuế thầu hàng năm cho nhà



nước. Các hợp đồng giao thầu khoán nuôi trồng thủy sản tại đê H5 giữa UBND xã T2 với hộ cụ S, ông H đều có các nội dung xác định buộc hộ gia đình khi nhận thầu có trách nhiệm bàn giao mặt bằng khi Nhà nước thu hồi. Ngày 30/10/2016, đại diện gia đình ông H và UBND xã T2 đã thanh lý hợp đồng nên UBND huyện T1, tỉnh T không ban hành Quyết định thu hồi đất, không bồi thường về đất tại đê H5 đối với gia đình ông H là đúng quy định tại khoản 1 Điều 76, Điều 82 Luật đất đai năm 2013. Tòa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu hủy các Quyết định thu hồi đất số 5526/QĐ-UBND ngày 18/9/2017 để Đầu tư xây dựng các tuyến giao thông trục chính phía Tây - Khu kinh tế N; Quyết định số 3394/QĐ-UBND ngày 11/6/2018 về việc đính chính Quyết định 5526/QĐ-UBND ngày 18/9/2017; Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 5525/QĐ-UBND ngày 23/3/2018; Quyết định thu hồi đất số 5540/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 để Đầu tư xây dựng và khai thác hạ tầng Khu công nghiệp số 3 - Khu kinh tế N và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 5541/QĐ-UBND ngày 23/8/2018; không chấp nhận yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 62/QĐ-UBND ngày 12/01/2018 của Chủ tịch UBND huyện T1 và không chấp nhận yêu cầu buộc UBND huyện T1, tỉnh T bồi thường 12 ha đất nuôi trồng thủy sản cho hộ gia đình ông H là có căn cứ.

[6] Hợp đồng thầu của gia đình ông H và UBND xã T2, huyện T1, tỉnh T đã thống nhất ký biên bản thanh lý từ tháng 10/2016 nhưng đến tháng 6/2018 gia đình ông H mới bàn giao mặt bằng. Vì vậy, UBND huyện T1, tỉnh T cho rằng đây không phải là trường hợp thu hoạch sớm là có cơ sở. Tuy nhiên, UBND huyện đã hỗ trợ cho gia đình và ông H đã nhận 120.000.000đồng theo Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 5525/QĐ-UBND ngày 23/3/2018 của UBND huyện T1, tỉnh T là đã đảm bảo quyền lợi của gia đình ông H.

[7] Tại phần II Quyết định số 4925/QĐ-UBND ngày 21/12/2016 của UBND tỉnh T ban hành về bảng giá xây dựng các công trình kiến trúc làm cơ sở xác định giá trị bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh T không áp dụng giá trị đào đắp bằng thủ công cho những khối lượng nhỏ, lẻ ngoài phạm vi 300m với giá 25.000đ/m<sup>3</sup>. Trong khi đó tổng khối lượng đào đắp của gia đình ông H bị thu hồi 12ha là 4.250,7m<sup>3</sup>, đây là khối lượng đào đắp lớn tại 4 thửa đất nên Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 5541/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 của UBND huyện T1, tỉnh T áp dụng giá trị đào đắp bằng máy đối với diện tích nêu trên là đúng quy định. Tòa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện buộc UBND huyện T1 hỗ trợ việc đánh bắt thủy sản sớm, bồi thường công đào đắp bằng thủ công tại 4 thửa do bị thu hồi là có căn cứ.

[8] Đối với yêu cầu công nhận gia đình ông H có quyền sử dụng hợp pháp đối với diện tích đất 10ha mà gia đình đang quản lý sử dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND các cấp, Tòa án sơ thẩm không xem xét, giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[9] Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Đậu Văn H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính;

### **QUYẾT ĐỊNH**

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Đậu Văn H; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2020/HC-ST ngày 07/01/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh T.

2. Ông Đậu Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm ông H đã nộp tại Biên lai thu số 0006983 ngày 07/02/2020 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh T.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ khi tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh T;
- VKSND tỉnh T;
- Cục THADS tỉnh T;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Thị Mai**